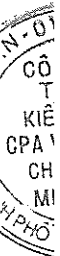


**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**

## MỤC LỤC

### NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 – 34



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

### CÔNG TY

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT	
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 09/04/2022
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 09/04/2022

#### Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên ban kiểm soát

#### Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 09/04/2022/BB-ĐHCĐ ngày 09/04/2022 với mức tăng dự kiến 518.000.000.000 đồng (*Bao gồm: 300.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; 200.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; 18.000.000.000 đồng từ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu*).

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

9775  
TY  
KH  
TOÁN  
TRẦN  
LÃNH  
BẮC  
NỘI

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đại diện cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc



**ĐƯƠNG THỊ HUYỀN**

Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 1507/2020/CRC-GUQ  
ngày 10/07/2020 của CT.HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

002  
NAM



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 26/08/2022 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số - 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



CÔNG TY  
TNHH  
KIỂM TOÁN  
CPA VIETNAM  
CHI NHÁNH  
MIỀN BẮC  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Hà

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1387-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội ngày 26 tháng 08 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

	MS	TM	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>209.010.903.480</b>	<b>175.782.346.213</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.536.732.476</b>	<b>30.065.156.299</b>
1. Tiền	111		4.536.732.476	10.065.156.299
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>123.036.657.480</b>	<b>58.518.366.624</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	48.480.806.789	1.293.751.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	74.158.649.130	44.414.493.158
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.9	397.201.561	12.810.122.421
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>77.794.057.601</b>	<b>83.884.787.453</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	77.794.057.601	83.884.787.453
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.643.455.923</b>	<b>3.314.035.837</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	46.858.703	22.019.928
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.596.597.220	3.292.015.909
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>271.926.573.987</b>	<b>272.633.946.011</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.360.257.188</b>	<b>14.923.148.666</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	25.360.257.188	14.923.148.666
- Nguyên giá	222		27.751.078.458	16.384.461.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.390.821.270)	(1.461.312.505)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>11.199.648.049</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	-	11.199.648.049
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>246.462.086.000</b>	<b>246.462.086.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		205.950.000.000	205.950.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		33.722.086.000	33.722.086.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.790.000.000	6.790.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>104.230.799</b>	<b>49.063.296</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	104.230.799	49.063.296
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>480.937.477.467</b>	<b>448.416.292.224</b>


  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CREATE CAPITAL  
 VIỆT NAM  
 HỒ CHÍ MINH  
 SỐ 104/140 KHUẤT DUY TIẾN,  
 PHƯỜNG NHÂN CHÍNH,  
 QUẬN THANH XUÂN,  
 HÀ NỘI.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Tiếp theo)

	MS	TM	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>145.562.285.593</b>	<b>115.355.141.213</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>144.903.673.588</b>	<b>114.591.906.254</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	6.822.989.662	5.090.667.288
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	8.313.278.384	23.393.166.877
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	692.605.957	1.211.872.602
4. Phải trả người lao động	314		124.272.215	168.906.769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	49.470.806	70.034.295
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.065.847.664	817.219.709
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	127.835.208.900	83.840.038.714
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>658.612.005</b>	<b>763.234.959</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	658.612.005	763.234.959
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>335.375.191.874</b>	<b>333.061.151.011</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>335.375.191.874</b>	<b>333.061.151.011</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.729.586.949	22.415.546.086
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.337.546.086	11.236.619.810
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.392.040.863	11.178.926.276
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>480.937.477.467</b>	<b>448.416.292.224</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THỦY

Tổng Giám đốc



DUƠNG THỊ HUYỀN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ kế toán 6 tháng kết	Kỳ kế toán 6 tháng kết
			thúc ngày 30/06/2022	thúc ngày 30/06/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	176.258.681.701	280.318.164.959
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>176.258.681.701</b>	<b>280.318.164.959</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	169.650.911.305	275.493.578.270
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>6.607.770.396</b>	<b>4.824.586.689</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	253.868.069	2.542.017.432
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.533.605.436	983.321.107
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.283.841.053	1.224.961.342
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	787.234.970	1.089.520.297
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.519.702.712	2.260.190.109
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.021.095.347</b>	<b>3.033.572.608</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	37	148
12. Chi phí khác	32	6.6	24.835.564	1.842.697
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(24.835.527)</b>	<b>(1.842.549)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.996.259.820</b>	<b>3.031.730.059</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	604.218.957	606.714.551
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.392.040.863</b>	<b>2.425.015.508</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng





NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THỦY

DƯƠNG THỊ HUYỀN



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

MS	TM	Kỳ kế toán 6 tháng kết	Kỳ kế toán 6 tháng kết
		thức ngày 30/06/2022	thức ngày 30/06/2021
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	2.996.259.820	3.031.730.059
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	929.508.765	221.269.513
- Các khoản dự phòng	03	-	(245.626.755)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	249.764.383	(206.678.233)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(253.868.069)	(1.981.122.444)
- Chi phí lãi vay	06	1.283.841.053	1.224.961.342
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	5.205.505.952	2.044.533.482
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(64.494.181.393)	14.530.413.254
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.090.729.852	157.922.838.631
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.668.651.024)	(285.576.204.800)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(80.006.278)	(11.761.693)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.278.904.542)	(1.246.066.917)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(754.335.102)	(1.198.290.385)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(68.979.842.535)	(113.534.538.428)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(124.969.238)	(23.536.404.875)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(100.528.036.300)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	100.702.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(18.414.820.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.058.316.422
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.035.220	1.470.456.911
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(72.934.018)	(37.248.487.842)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	157.586.554.927	205.118.475.643
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(114.062.996.831)	(76.204.856.017)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	43.523.558.096	128.913.619.626
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	(25.529.218.457)	(21.869.406.644)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	5.1	30.065.156.299
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61	5.1	794.634
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5.1	4.536.732.476

0197  
NG T  
NHH  
M TOÁ  
VIỆTNA  
NHÂN  
N BÀI  
A NINH

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022  
Tổng Giám đốc  
DUƠNG THỊ HUYỀN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

  
NGUYỄN THỊ THÚY NGA

  
VŨ THỊ THỦY

  
DUƠNG THỊ HUYỀN



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 là 21 người (Tại thời điểm 31/12/2021, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 27 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, son, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện); Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời); Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân); Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình điện; Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ); Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích); Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây dựng các dự án năng lượng, xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh thương mại nông sản (cao su, điều...), Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng (sắt thép, tôn...), Cho thuê nhà...



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty có 01 công ty con: Công ty cổ phần Công nghệ CRC và 02 công ty liên kết; Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con, cụ thể như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
<i>Công ty con của Công ty cổ phần Công nghệ CRC</i>				
1. Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	98,9%	98,9%
2. Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	98,3%	98,3%
3. Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	98,7%	98,7%
4. Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,0%	98,0%
5. Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,0%	95,0%
6. Công ty cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95,9%	95,9%
7. Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
8. Công ty cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,0%	97,0%
9. Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,2%	93,2%
10. Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Hà Nội	Năng lượng	99,5%	99,5%
11. Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,0%	96,0%
12. Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Kosun	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
13. Công ty cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,0%	97,0%
<b>Công ty liên kết</b>				
1. Công ty cổ phần Gạch ngói Vinh Phúc	Vinh Phúc	Gạch ngói	49%	49%
2. Công ty TNHH Trường Sơn	Hà Nội	Gạch ngói	45%	45%

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

### 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.  
Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Nguyên tắc ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

197  
T  
H  
TOÁ  
TN.  
HÁN  
BÀ  
NỘ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

#### Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*  
Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Hàng hoá, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả.
- + *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*  
Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa.  
Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.
- + *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*  
Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

#### Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua/bán ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm 30/06/2022.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

#### Nguyên tắc kế toán các Khoản đầu tư tài chính

##### Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các Khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đối với các khoản đầu tư khác:

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

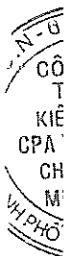
*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên.

*Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền.

*Phương pháp xác định giá gốc của Mũi cao su:* Đích danh.

*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí sản phẩm dở dang, chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	06 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 12 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị các công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 24 đến 36 tháng

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

917  
TY  
TH  
TOÁN  
TÍNH  
ÁNH  
BẮC  
CỎI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc ghi nhận Vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

#### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay phải trả.

#### Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022 là số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

#### Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu, Thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

002  
MAN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu, Thu nhập khác

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Doanh thu các công trình xây lắp

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

##### Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi và lãi cho vay, lãi đầu tư trái phiếu. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Nguyên tắc kế toán Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ là chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2.900.241.653	900.265.339
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.636.490.823	9.164.890.960
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	20.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>4.536.732.476</b>	<b>30.065.156.299</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
- Trái phiếu	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
<i>Ngân hàng Nông nghiệp &amp; phát triển nông thôn Việt Nam (i)</i>	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)</i>	290.000.000	290.000.000	290.000.000	290.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iii)</i>	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>6.790.000.000</b>	<b>6.790.000.000</b>	<b>6.790.000.000</b>	<b>6.790.000.000</b>

Trong đó:

(i): Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

(ii): Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

(iii): Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

Giá trị trái phiếu thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng phát hành tại ngày 30/06/2022 là 6.790.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 790.000.000 đồng). Chi tiết tại thuyết minh số 5.15

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiên, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)			
		Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)
Đầu tư vào công ty con			205.950.000.000	-	205.950.000.000	-	-
Công ty cổ phần Công nghệ CRC	99,98%	99,98%	205.950.000.000	-	205.950.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			33.722.086.000	-	33.722.086.000	-	-
Công ty cổ phần Khách sạn Vinh Phúc	49%	49%	15.722.086.000	-	15.722.086.000	-	-
Công ty TNHH Trường Sơn	45%	45%	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-	-
Tổng			239.672.086.000	-	239.672.086.000	-	-

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Kỳ này

+ Công ty cổ phần Công nghệ CRC

+ Công ty cổ phần khách sạn Vinh Phúc

+ Công ty TNHH Trường Sơn

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 đơn vị có lãi

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 đơn vị có lãi

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 đơn vị có lãi

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 8.1





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	10.540.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	11.334.292.092	-
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	7.358.855.882	-
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	-	793.630.000
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	-	298.296.900
Các đối tượng khác	19.247.658.815	201.824.145
<b>Tổng</b>	<b>48.480.806.789</b>	<b>1.293.751.045</b>

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên có liên quan	8.947.892.082	-
---	---------------	---

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	6.634.429.280	3.654.432.000
Công ty CP sản xuất XNK Thành Nam	9.784.440.633	11.729.771.406
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	12.381.644.880	-
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	19.842.649.097	17.620.720.581
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị- Công ty Cổ phần	8.732.187.216	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	-	7.646.627.390
Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	10.480.585.238	-
Các đối tượng khác	6.302.712.786	3.762.941.781
<b>Tổng</b>	<b>74.158.649.130</b>	<b>44.414.493.158</b>

Trong đó:

Trả trước cho người bán là các bên có liên quan	12.381.644.880	-
---	----------------	---

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

**5.5 Chi phí trả trước**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>46.858.703</b>	<b>22.019.928</b>
- Chi phí bảo hiểm	29.625.788	4.674.242
- Công cụ dụng cụ	16.232.915	10.345.686
- Chi phí trả trước khác	1.000.000	7.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>104.230.799</b>	<b>49.063.296</b>
- Công cụ dụng cụ	104.230.799	49.063.296
<b>Tổng</b>	<b>151.089.502</b>	<b>71.083.224</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (i)	4.868.263	-	4.868.263	-
Chi phí SXKD dở dang	9.056.987.763	-	14.752.376.005	-
+ Gia công Điều hạt	2.930.324.000	-	-	-
+ Dự án Solar Cell	3.809.395.233	-	13.303.304.304	-
+ Dự án nhà xưởng Bảo Lộc	1.240.165.584	-	1.240.165.584	-
+ Dự án khác	1.077.102.946	-	208.906.117	-
Thành phẩm (i)	2.024.664.000	-	-	-
Hàng hoá (i)	66.707.537.575	-	69.127.543.185	-
<b>Tổng</b>	<b>77.794.057.601</b>	<b>-</b>	<b>83.884.787.453</b>	<b>-</b>

(i) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Loại hàng gửi</u>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Cao su thành phẩm	-	4.868.263
Ông Nguyễn Văn Đăng	Cao su thành phẩm	3.805.491.763	19.691.084.700
Công ty cổ phần Sản xuất XNK Thành Nam	Nhân điều	20.285.034.546	29.612.183.500
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	Gạch	16.957.140.551	9.830.765.007

**5.7 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	11.199.648.049	11.199.648.049
- Dự án điện mặt trời Phú Thọ	-	-	11.199.648.049	11.199.648.049
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.199.648.049</b>	<b>11.199.648.049</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2022	13.987.639.898	2.396.821.273	-	16.384.461.171
Mua trong kỳ	-	-	61.593.636	61.593.636
Đầu tư XDCB hoàn thành	11.305.023.651	-	-	11.305.023.651
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2022	25.292.663.549	2.396.821.273	61.593.636	27.751.078.458
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2022	776.867.338	684.445.167	-	1.461.312.505
Khấu hao trong kỳ	699.381.996	228.057.090	2.069.679	929.508.765
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2022	1.476.249.334	912.502.257	2.069.679	2.390.821.270
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2022	13.210.772.560	1.712.376.106	-	14.923.148.666
Tại ngày 30/06/2022	23.816.414.215	1.484.319.016	59.523.957	25.360.257.188

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/06/2022 là 1.299.537.091 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.399.469.031 đồng).

**5.9 Phải thu khác**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	397.201.561	-	12.810.122.421	-
Phải thu khác	397.201.561	-	12.810.122.421	-
- Ông Trần Ngọc Khánh	-	-	4.425.000.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu	388.945.561	-	187.112.712	-
- Cổ tức được phân phối	-	-	8.198.009.709	-
- Phải thu khác	8.256.000	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	397.201.561	-	12.810.122.421	-

Trong đó:

Phải thu khác là bên có liên quan

8.198.009.709

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	4.049.772.119	4.049.772.119	-	-
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Airsun VN	2.181.214.056	2.181.214.056	2.681.214.056	2.681.214.056
Công ty TNHH BG Solar	-	-	948.494.989	948.494.989
Các đối tượng khác	592.003.487	592.003.487	1.460.958.243	1.460.958.243
<b>Tổng</b>	<b>6.822.989.662</b>	<b>6.822.989.662</b>	<b>5.090.667.288</b>	<b>5.090.667.288</b>
Trong đó:				
Phải trả người bán là các bên có liên quan		-		-
Chi tiết tại thuyết minh số 8.1				

**5.11 Người mua trả tiền trước**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.313.278.384</b>	<b>23.393.166.877</b>
Công ty cổ phần VLXD Yên Bái	2.460.655.230	-
Công Ty TNHH VLXD Hadico	861.232.380	-
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	-	4.112.366.688
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	-	639.010.000
Công ty TNHH MTV Việt Quang	1.000.000.000	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	-	5.763.399.040
Công ty cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm	1.892.227.600	7.600.000.000
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	-	322.961.260
Các đối tượng khác	2.099.163.174	4.955.429.889
<b>Tổng</b>	<b>8.313.278.384</b>	<b>23.393.166.877</b>
Trong đó:		
Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan	-	7.936.968.300
Chi tiết tại thuyết minh số 8.1		

7175  
TY  
H  
ÁN  
NAM  
ẢNH  
BẮC  
01-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2022
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	754.335.102	604.218.957	754.335.102	604.218.957
Thuế thu nhập cá nhân	457.537.500	-	369.150.500	88.387.000
Thuế BV MT và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	24.834.964	24.834.964	-
<b>Phải thu</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.211.872.602</b>	<b>632.053.921</b>	<b>1.151.320.566</b>	<b>692.605.957</b>

**5.13 Chi phí phải trả**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>49.470.806</b>	<b>70.034.295</b>
Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	49.470.806	44.534.295
Chi phí trích trước khác	-	25.500.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>49.470.806</b>	<b>70.034.295</b>

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Bảo hiểm xã hội	22.464.650	-
Bảo hiểm y tế	4.043.637	-
Bảo hiểm thất nghiệp	898.586	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.000.000	33.000.000
Phải trả, phải nộp khác	1.005.440.791	784.219.709
<i>Công ty cổ phần Công nghệ CRC</i>	<i>531.990.291</i>	<i>-</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>395.450.500</i>	<i>395.450.500</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>78.000.000</i>	<i>388.769.209</i>
<b>Tổng</b>	<b>1.065.847.664</b>	<b>817.219.709</b>

Trong đó:

Phải trả khác là các bên có liên quan	531.990.291	-
Chi tiết tại thuyết minh số 8.1		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

a. Vay	30/06/2022 (VND)		Phát sinh trong kỳ (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	127.625.962.992	127.625.962.992	157.953.544.063	113.958.373.877	83.630.792.806	83.630.792.806
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình {1}	55.492.464.644	55.492.464.644	75.501.174.070	69.269.961.702	49.261.252.276	49.261.252.276
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà {2}	62.933.498.348	62.933.498.348	64.252.369.993	35.688.412.175	34.369.540.530	34.369.540.530
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân {3}	9.200.000.000	9.200.000.000	18.200.000.000	9.000.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	209.245.908	209.245.908	104.622.954	104.622.954	209.245.908	209.245.908
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng {4}	44.000.004	44.000.004	22.000.002	22.000.002	44.000.004	44.000.004
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	165.245.904	165.245.904	82.622.952	82.622.952	165.245.904	165.245.904
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>	127.835.208.900	127.835.208.900	158.058.167.017	114.062.996.831	83.840.038.714	83.840.038.714
<b>Vay dài hạn</b>	658.612.005	658.612.005	-	104.622.954	763.234.959	763.234.959
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng {4}	183.333.322	183.333.322	-	22.000.002	205.333.324	205.333.324
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	475.278.683	475.278.683	-	82.622.952	557.901.635	557.901.635
<b>Tổng</b>	128.493.820.905	128.493.820.905	158.058.167.017	114.167.619.785	84.603.273.673	84.603.273.673

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn

{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình

Hợp đồng TDHIM số 01/2022/8353501/HĐTD ngày 21/06/2022; Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,5%/năm với khoản vay bằng VND và 3,8%/năm với khoản vay bằng USD.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của ông Mai Tâm; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; 29 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 290.000.000 đồng; 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**a. Vay (Tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Tiếp theo)

{2} Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà

Hợp đồng tín dụng số 1260LAY202200250 ngày 19/05/2022; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6%/năm đối với khoản vay bằng VND và 3,5%/năm đối với khoản vay bằng USD.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.

{3} Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân

Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVC/HM/NHCT127 ngày 12/10/2021; Thời hạn vay là 4-6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,2%/năm.

Tài sản thế chấp: Trái phiếu Vietcombank trị giá 6.000.000.000 đồng; Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế do bên nhận thế chấp tài trợ vốn với giá trị tối thiểu bằng số dư nợ; Toàn bộ nguồn thu luân chuyển qua tài khoản tiền gửi thanh toán VND số 118002774994 và tiền gửi thanh toán USD số 119002775000 và các tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty mở tại Ngân hàng sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp.

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn

{4} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng

Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 692/2020/HĐTD/TTB MB4/01 ngày 21/08/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 8,9%/năm.

Tài sản thế chấp: Xe Ô tô Vinfast Fadil BKS 30G-486.94, giá trị còn lại tại ngày 30/06/2020 là 262.209.558 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 304.253.502 đồng)

{5} Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0494 ngày 02/04/2021 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0658 ngày 28/04/2021; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 7,5%/năm.

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13, giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 lần lượt là 451.350.328 đồng và 515.977.205 đồng. (tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 511.790.326 đồng và 583.425.203 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	150.000.000.000	-	10.645.604.925	18.803.209.076	179.448.814.001
Tăng vốn	150.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	11.178.926.276	11.178.926.276
Tăng khác	-	16.945.321	-	-	16.945.321
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thù lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	(66.589.266)	(66.589.266)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(16.945.321)	-	-	(16.945.321)
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	300.000.000.000	-	10.645.604.925	22.415.546.086	333.061.151.011
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	2.392.040.863	2.392.040.863
Tăng khác	-	249.764.383	-	-	249.764.383
Thù lao trả HĐQT và BKS (*)	-	-	-	(78.000.000)	(78.000.000)
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(249.764.383)	-	-	(249.764.383)
<b>Số dư tại 30/06/2022</b>	300.000.000.000	-	10.645.604.925	24.729.586.949	335.375.191.874

(\*): Trong kỳ, Công ty trích thù lao trả HĐQT và BKS với số tiền 78.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/CR/NC-ĐHĐCĐ ngày 09/4/2022. Phần chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 18.000.000.000 đồng tương đương 6% Mệnh giá theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 được thực hiện khi có sự phê duyệt phương án tăng vốn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ông Mai Anh Tám	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Mai Anh Đức	14.044.800.000	14.044.800.000
Các cổ đông khác	265.955.200.000	265.955.200.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2022	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	300.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cổ tức</b>		<b>ĐỒNG/CỔ PHIẾU</b>

Cổ tức công bố:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (i)

600 đồng/cổ phiếu

(i): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/NQ-ĐHCĐ ngày 09/04/2022 thông qua mức trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6%.

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

**5.17 Các khoản mục ngoại bảng****Ngoại tệ các loại**

	30/06/2022	01/01/2022
Dollar Mỹ (USD)	8.135,74	95.167,65

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2022	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	175.518.675.427	97.673.801.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ	740.006.274	206.181.818
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	182.438.181.821
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Tổng</b>	<b>176.258.681.701</b>	<b>280.318.164.959</b>

*Trong đó:*

Doanh thu với các bên liên quan

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

19.597.561.151

-

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2022	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	168.934.392.944	94.017.007.307
Giá vốn cung cấp dịch vụ	716.518.361	27.272.730
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	181.449.298.233
<b>Tổng</b>	<b>169.650.911.305</b>	<b>275.493.578.270</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2022	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	253.868.069	1.981.122.444
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	354.216.755
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	206.678.233
<b>Tổng</b>	<b>253.868.069</b>	<b>2.542.017.432</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2022	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.283.841.053	1.224.961.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.986.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	249.764.383	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(245.626.755)
<b>Tổng</b>	<b>1.533.605.436</b>	<b>983.321.107</b>

9175  
TY  
TH  
TOÁN  
TAN  
HÀNH  
BẮC  
CÁ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****6.5 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí bán hàng	787.234.970	1.089.520.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	787.234.970	1.089.520.297
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.519.702.712	2.260.190.109
Chi phí nhân viên	774.933.903	423.176.315
Chi phí công cụ quản lý	68.581.299	19.856.534
Chi phí khấu hao TSCĐ	230.126.769	206.587.693
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.370.373	1.424.727.257
Chi phí khác bằng tiền	81.690.368	182.842.310
<b>Tổng</b>	<b>2.306.937.682</b>	<b>3.349.710.406</b>

**6.6 Thu nhập khác và chi phí khác**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
	VND	VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	37	148
<b>Tổng</b>	<b>37</b>	<b>148</b>
Chi phí khác		
Thuế bị phạt, bị truy thu	24.834.964	1.709.615
Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	133.082
Chi phí khác	600	-
<b>Tổng</b>	<b>24.835.564</b>	<b>1.842.697</b>
<b>Thu nhập khác/Chi phí khác (Thuần)</b>	<b>(24.835.527)</b>	<b>(1.842.549)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.488.659.064	107.286.414.680
Chi phí nhân công	824.933.903	423.176.315
Chi phí khấu hao TSCĐ	929.508.765	221.269.513
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.198.423.528	2.552.058.736
Chi phí khác bằng tiền	84.690.368	185.842.310
<b>Tổng</b>	<b>24.526.215.628</b>	<b>110.668.761.554</b>

**6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.996.259.820	3.031.730.059
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	24.834.964	1.842.697
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>24.834.964</i>	<i>1.842.697</i>
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ kỳ trước</b>	<b>3.021.094.784</b>	<b>3.033.572.756</b>
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.021.094.784	3.033.572.756
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	604.218.957	606.714.551
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	-	-
<b>Tổng</b>	<b>604.218.957</b>	<b>606.714.551</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND
<b>7.1 Thanh lý công ty con trong năm</b>		
Tổng giá trị thanh lý	-	15.722.086.000
Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền	-	3.058.316.422
<b>7.2 Các giao dịch phi tiền tệ khác</b>		
+ Tiền thu từ đi vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	366.989.136	23.097.195
+ Tiền thanh toán vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**8. THÔNG TIN KHÁC****8.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Công nghệ CRC và các công ty con	Công ty con
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP phụ gia bê tông Phà Lại	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám Đốc
Công ty cổ phần vật tư điện Hùng Cường	Bên liên quan của Tổng Giám Đốc từ 09/03/2022
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	Bên liên quan của Tổng Giám Đốc
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc của công ty con

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
	VND	VND
Tiền lương và phụ cấp	447.608.188	74.512.800
Thù lao Hội đồng quản trị	252.000.000	-
Thù lao Ban Kiểm soát	65.166.951	41.756.400
Tiền lương và phụ cấp của Ban Giám đốc	130.441.237	32.756.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>447.608.188</b>	<b>74.512.800</b>

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
			VND	VND
<b>Mua hàng</b>				
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD Có cùng CT HĐQT	Mua hàng hóa	15.714.780.000	10.336.717.000
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco		Mua hàng hóa	192.071.600	-
<b>Tổng</b>			<b>15.906.851.600</b>	<b>10.336.717.000</b>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng CT HĐQT	Bán hàng hóa	11.013.400.000	-
Công ty cổ phần vật tư điện Hùng Cường	Bên liên quan của TGD từ ngày 09/03/2022	Bán hàng hóa	2.594.442.000	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	Bên liên quan của TGD	Bán hàng hóa	5.989.719.151	-
<b>Tổng</b>			<b>19.597.561.151</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán 6 tháng	Kỳ kế toán 6 tháng
			kết thúc ngày 30/06/2022	kết thúc ngày 30/06/2021
			VND	VND
<b>Ủy thác</b>				
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Tất toán ủy thác	-	14.400.000.000
		Lãi tiền gửi	-	66.954.585
		Thu lãi tiền gửi	-	107.029.658
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	-	1.000.000.000
		Tất toán tiền gửi	-	12.250.000.000
		Lãi tiền gửi	-	147.205.479
		Thu lãi tiền gửi	-	188.049.315
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc của công ty con	Nhận ủy thác	-	5.000.000.000
<b>Phải thu, phải trả khác</b>				
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	Chi tiền cho mượn	-	300.000.000
Công ty CP công nghệ CRC	Công ty con	Chi tiền cho mượn	-	292.000.000
		Phải trả khác	531.990.291	-
		Thu hộ	-	1.755.000.000
		Trả hộ	-	4.605.000.000
Công ty cổ phần CRC Invest	Công ty con	Chi tiền cho mượn	-	63.000.000
Công ty cổ phần CRC Power	Công ty con	Chi tiền cho mượn	-	60.000.000
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	Có cùng chủ tịch HĐQT	Mượn tiền	-	199.967.000
		Trả lại tiền	-	199.967.000
<b>c. Số dư với các bên liên quan</b>				
Các bên liên quan	Mối quan hệ		30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Vật tư Điện Hùng Cường	Bên liên quan của TGD từ ngày 09/03/2022		8.947.892.082	-
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Công ty có cùng CT HĐQT		1.589.036.200	-
			7.358.855.882	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>				
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	Bên liên quan của TGD		-	7.936.968.300
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Công ty có cùng CT HĐQT		-	5.763.399.040
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Công ty con		-	1.850.608.000
			-	322.961.260



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>12.381.644.880</b>	-
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022	12.381.644.880	-
<b>Phải thu khác</b>		-	<b>8.198.009.709</b>
Công ty cổ phần Công nghệ CRC	Công ty con	-	8.198.009.709
<b>Phải trả khác</b>		<b>531.990.291</b>	-
Công ty CP công nghệ CRC	Công ty con	531.990.291	-

**8.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0904/2022/BB-ĐHCĐ ngày 09/04/2022 với mức tăng dự kiến 518.000.000.000 đồng (Bao gồm: 300.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; 200.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; 18.000.000.000 đồng từ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu).

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

**8.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THỦY



ĐƯƠNG THỊ HUYỀN